TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 143/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 02 – 2018.
V/v "tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Hồ Thị Ngọc Nga

2.Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Anh Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1259/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp về ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/01/2018 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.(có mặt)

Thường trú: Ấp 2A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang;

Nơi cư trú hiện nay: Số 243 ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh B.

-*Bị đơn*: Ông Dương Văn T, sinh năm 1981.(có mặt)

Thường trú: Ấp 2A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang;

Nơi cư trú hiện nay: Số 586 đường L, tổ 15, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn xin ly hôn ngày 06/10/2017 và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Dương Văn T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh H vào ngày 25/11/2009. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó trong sinh hoạt vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn được hạnh phúc vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Như Q, sinh ngày 09/5/2009; bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

-Bị đơn ông Dương Văn T trình bày:

Về thời điểm kết hôn, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng theo trình bày của bà H là đúng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Như Q, sinh ngày 09/5/2009; ông T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp và hòa giải vận động, thuyết phục để các đương sự tự nguyện thỏa thuận đoàn tụ với nhau và thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến. Do đó phải đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Như Q, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; ông Dương Văn T đồng ý ly hôn nhưng cương quyết yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Như Q, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn đối với ông Dương Văn T, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Dương Văn T cư trú tại xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản bác của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ lời trình bày của bà Nguyễn Thị H, ông Dương Văn T và các chứng cứ khác có tại hồ sơ thể hiện bà Nguyễn Thị H, ông Dương Văn T kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 25/11/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, bà H, ông T không hạnh phúc, do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân và bà H đã về quê tại

Tỉnh Bạc Liêu sinh sống cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H, ông T là trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định chấp nhận yêu cầu của bà H ly hôn ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Như Q, sinh ngày 09/5/2009, hiện nay do bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; đối với ông T cũng yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay trẻ Dương Như Q đang được bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng tốt, trẻ đang đi học tại Trường Tiểu học K nơi cư trú của bà H tại Tỉnh Bạc Liêu và tại bản khai của trẻ Q thể hiện trẻ có nguyện vọng được bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để có điều kiện đi học; nhằm tạo điều kiện ổn định về tâm sinh lý, học hành của trẻ và sự cần thiết chăm sóc nuôi dưỡng con của người phụ nữ, hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Q cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T theo yêu cầu của bà H là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Bà H, ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nghĩa vụ dân sự khác: Bà H, ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) bà H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Dương Văn T.

-Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Như Q, sinh ngày 09/5/2009, giao trẻ Dương Như Q cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Dương Văn T cho đến khi có yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Việc giao nhận trẻ Dương Như Q do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

-Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

-Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị H chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007605 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị H, ông Dương Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND Tp.HCM;
-VKSND.H Củ Chi;
-Chi cục THADS. H Củ Chi;
-UBND nơi cấp giấy CN kết hôn;
-Các đương sự;
-Lưu VP,HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Trịnh Minh Đức